



Số:03.2016/TTr-ĐHCĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH

(Điều chỉnh, bổ sung lần thứ nhất Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc điều chỉnh bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

STT	Điều khoản	Nội dung đã ban hành	Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lý do
1	Phần mở đầu	Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (dưới đây gọi là Công ty), được cổ phần hóa theo quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và Quyết định số 288/QĐ-HHVN ngày 13/6/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thành lập	Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (dưới đây gọi là “Công ty”), được cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần và Quyết định số 288/QĐ-HHVN ngày 13/6/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại	Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ

		vào ngày 27 tháng 6 năm 2014.	hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tổ chức vào ngày 14 tháng 4 năm 2016	
2	Điểm i khoản 1 Điều 1	Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp và Điều 6.34 Luật Chứng khoán	Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	
3	Mục 19 khoản 1 Điều 3	Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua	Và các ngành nghề kinh doanh khác <i>mà pháp luật không cấm</i> và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua	Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014
4	Khoản 2 Điều 4	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật <i>không cấm</i> và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014
5	Khoản 2 Điều 5	Cơ cấu cổ phần tại thời điểm thành lập: -Cổ phần thuộc sở hữu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên, chiếm 94,68% vốn điều lệ, tương đương 309.581.400 cổ phần. Sau khi công ty cổ phần chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam được quyền quyết định việc tiếp tục chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu để đảm bảo tỷ lệ vốn nhà nước theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. -Cổ phần thuộc sở hữu của tổ chức công đoàn Công ty chiếm 0,21% vốn điều lệ, tương đương 700.000 cổ phần. -Cổ phần thuộc sở hữu của	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.	

		<p>người lao động trong doanh nghiệp được mua theo giá ưu đãi bằng 60% giá đầu giá bình quân thấp nhất chiếm 1,73% vốn điều lệ, tương đương 5.675.900 cổ phần. Cổ phần thuộc sở hữu của người lao động trong doanh nghiệp được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty chiếm 0,45% vốn điều lệ tương đương 1.465.200 cổ phần sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.</p> <p>-Cổ phần thuộc sở hữu của các nhà đầu tư khác thông qua bán đấu giá công khai chiếm 2,92 % vốn điều lệ, tương đương 9.537.500 cổ phần.</p>		
6	Khoản 3 Điều 6	<p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	
7	Khoản 4 Điều 6	<p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị hủy cổ đông có thể yêu cầu được cấp Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho</p>	<p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014

		Công ty.		
8	Khoản 5 Điều 6	<p>1.Sổ đăng ký cổ đông:</p> <p>a.Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tên, trụ sở của Công ty. -Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại. -Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp. -Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. 	<p>1.Sổ đăng ký cổ đông:</p> <p>a.Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>	Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014
9	Bổ sung khoản 6,7,8 Điều 8	Chưa quy định	<p>6.Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>7.Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>8.Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty khi các thông tin của người nhận cổ phần được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.</p>	Khoản 4,5,7 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014

10	Khoản 4 Điều 9	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	<i>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.</i> Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. <i>Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</i>	Điểm d khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2014
11	Bổ sung quy định về Mua lại cổ phần	Chưa quy định	1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: a. Cổ đông bỏ phiếu phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định trên; b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá khác được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá	Điều 129, 130 Luật Doanh nghiệp 2014

			<p>thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>i. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>ii. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp được quy định tại điểm a (iii) khoản 2 Điều này. Đối với các cổ phần khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>iii. Công ty có thể mua lại cổ phần của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo cho tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.</p> <p>b.Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30), ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	
12	<p>Bổ sung quy định về</p> <p>Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại</p>	Chưa quy định	<p>1.Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2.Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán và thuộc số cổ phần được quyền chào bán của Công ty, Công ty có quyền chào bán ra tại mọi thời điểm theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ</p>	<p>Điều 131 Luật Doanh nghiệp 2014</p>

			<p>các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp cổ phần được mua lại theo quyết định của Công ty với mục đích làm cổ phiếu quỹ thì sẽ được điều chỉnh theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.</p> <p>3.Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>4.Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>	
13	Bổ sung quy định về Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại	Chưa quy định	<p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 11 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>	Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2014

14	Điểm b khoản 3 Điều 11	Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp	Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp	Thay đổi số thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
15	Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 11	Chưa quy định	Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;	Điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014
16	Điểm c khoản 3 Điều 13	Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định...	Khi số thành viên Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i> còn lại ít hơn số thành viên theo quy định...	Điểm b khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014
17	Điểm d khoản 3 Điều 13	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, <i>có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</i>	Làm rõ nội dung quy định
118	Điểm đ khoản 3 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp....vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp....vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <i>quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp</i>	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
19	Điểm a khoản 4 Điều 13	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <i>sáu mươi (60) ngày</i> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Khoản 4 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.

20	Điểm b khoản 4 Điều 13	...Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp	...Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 <i>Luật Doanh nghiệp</i>	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
21	Điểm c khoản 4 Điều 13	...Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp	...Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 <i>Luật Doanh nghiệp</i>	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
22	Điểm m khoản 2 Điều 14	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp...	i. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần s. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp...	Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014
23	Bổ sung Điều 14 về Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		- Thông qua Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát - Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
24	Khoản 1 Điều 15	Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản	Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.	

		4 Điều 15 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.		
25	Khoản 4 Điều 15	Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật...	Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền; từ trên 10% đến 30% được cử tối đa 05 (năm) người đại diện; từ trên 30% đến 50% được cử tối đa 07 (bảy) người đại diện; từ trên 50% trở lên được cử tối đa bằng số thành viên Hội đồng quản trị. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.	
26	Khoản 1 Điều 16	Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Bãi bỏ	Quy định tại điều khoản về điều kiện thông qua nghị quyết đại hội
27	Bổ sung khoản 2 Điều 17	Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội	Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	

		<p>đồng cổ đông;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
28	Khoản 1 Điều 18	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% <i>cổ phần có quyền biểu quyết</i>	Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014.
29	Khoản 2 Điều 18 Điều lệ	Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ	Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này	

		thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.	trong vòng <i>sáu mươi (60)</i> phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.	
30	Khoản 2 Điều 18	... cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	... cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất <i>33% cổ phần có quyền biểu quyết</i>	Khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014
31	Khoản 3 Điều 18	Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội...	Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng <i>sáu mươi (60)</i> phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp...	
32	Khoản 4 Điều 19 Điều lệ	... trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chỉ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	... trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <i>theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i>	Điểm a khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014
33	Khoản 8, 9 Điều 19	Hội đồng quản trị có thể yêu cầu... Hội đồng quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng.. Hội đồng quản trị có toàn quyền...	Thay thế cụm từ <i>Hội đồng quản trị</i> bằng <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i>	Khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014
34	Bổ sung Điều 19 Điều lệ	Chưa quy định	1.Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có	Khoản 8,9 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014

			<p>đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	
35	Khoản 1,2 Điều 20	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p>	Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014

		<p>đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản).</p>	<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	
36	Bổ sung quy định	Chưa quy định	<p>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b. Định hướng phát triển Công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản 	Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014

			<p>được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p>	
37	Khoản 3 Điều 20	Theo quy định tại Điều 104 Luật Doanh nghiệp, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu	Theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 144</i> Luật Doanh nghiệp, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
38	Bổ sung quy định về Công bố Nghị quyết ĐHCĐ	Chưa quy định	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày <i>hoặc</i> đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai tư giờ (24h) kể từ ngày nghị quyết được thông qua.	Khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014
39	Khoản 2 Điều 21	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng cổ đông do cổ đông cung cấp. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho cá cổ đông trong thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất <i>mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</i> . Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện như quy trình tổ chức Đại hội cổ đông quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
40	Khoản 4 Điều 21	Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ	Phiếu lấy ý kiến a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người	Khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014

		<p>đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
41	Khoản 6 Điều 21	Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ (24) và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu	Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.	Khoản 6 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
42	Điều 22	Người chủ trì họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.	Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; <i>việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty.</i>	Khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014
43	Bổ sung quy định về nội	Chưa quy định	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể	Điều 146 Luật Doanh

	<p>dung Biên bản ĐH</p>	<p>ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung</p>	<p>ngành 2014</p>
--	-------------------------	--	-------------------

			<p>trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	
44	Điều 23	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014
45	Khoản 1 Điều 24	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là chín (09) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là chín (09) người, <i>bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách</i>. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	Khoản 1,2,3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2014
46		Chưa quy định	<p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị</p>	

			cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	
47	Khoản 8 Điều 24	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 110 Luật Doanh nghiệp	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị <i>được quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp</i>	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
48	Bổ sung Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Chưa quy định	Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;	
49	Điểm đ khoản 3 Điều 25	Chấp thuận để Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, các chức danh Trưởng phòng và tương đương.	Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/ <i>Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương.</i>	
50	Điểm a khoản 4 Điều 25	Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;	Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và <i>việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i>	
51	Điểm c khoản 4 Điều 25	Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường, và các hợp đồng khác có giá trị <i>bằng hoặc lớn hơn 10%</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;	
52	Khoản 1 Điều 26	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm	Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định	Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014

		chức Tổng giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	
53	Khoản 2 và 3 Điều 26	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản</p>	Khoản 2,4 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014

			cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	
54	Khoản 3 Điều 27	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường...khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát.	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường...khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: <i>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</i> <i>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</i> c. Ban kiểm soát.	Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
55	Khoản 4 Điều 27	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp	Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp nêu tại khoản 4 Điều này.	Khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
56	Khoản 7 Điều 27	...Thông báo họp Hội đồng phải có đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp...	...Thông báo họp Hội đồng phải có đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và <i>các phiếu biểu quyết</i> của thành viên...	Khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
57	Khoản 8 Điều 27	- Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc	- Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền.	Khoản 8, 10 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014

		qua người được ủy quyền. - Trường hợp không đủ thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất	<i>Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</i> - Trường hợp không đủ thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <i>bảy (07) ngày làm việc</i> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.	
58	Khoản 3 Điều 30	Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn theo Điều 57 Luật Doanh nghiệp và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp	Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn theo <i>Điều 65</i> Luật Doanh nghiệp và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 <i>Điều 18</i> Luật Doanh nghiệp	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
59	Điểm c khoản 4 Điều 30	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản trị;	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc/ <i>Phó giám đốc</i> các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/ <i>Phó trưởng phòng</i> và tương đương trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản trị;	
60	Điểm f khoản 4 Điều 30	Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm	Chậm nhất vào <i>ngày 30 tháng 11</i> hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.	
61	Bổ sung thêm Trách nhiệm của TGD	Chưa quy định	1.Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả, thì Tổng giám đốc: - Phải báo cáo Hội đồng quản trị; - Tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính;	

			<p>- Không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động.</p> <p>2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Tổng giám đốc và trong thời hạn ba (03) năm sau khi thôi làm Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị đương nhiệm chấp thuận.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p>	
62	Điều 31	<p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; 3. Tham dự các cuộc họp; 4. Ghi biên bản các cuộc họp; 	<p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, tham dự và ghi biên bản họp; 2. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty; 3. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; 4. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định pháp luật; 	
63	Khoản 1 Điều 32	Số lượng thành viên Ban kiểm soát tối đa là năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ	Điều 163, 164 Luật Doanh nghiệp 2014

		<p>nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p>	<p>của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2.Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>d. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>e. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>3.Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	
64	Khoản 5 Điều 32	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo Điều 122 của Luật Doanh nghiệp	Bãi bỏ	Đã đề cập ở trên

65	Khoản 6 Điều 32	Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a.... b. Thành viên do từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty; c.. d.... đ..... e(chưa quy định) f. (chưa quy định)	Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a.... b.Thành viên do từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty và <i>được chấp thuận</i> ; c.. d... đ... e. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. f. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2014
66	Khoản 1 Điều 33	Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp...	Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <i>Điều 165</i> của Luật Doanh nghiệp...	Thay đổi thứ tự điều khoản theo Luật Doanh nghiệp 2014
67	Khoản 4 Điều 35	a.Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất... b.Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất...	a.Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính <i>được kiểm toán gần nhất</i> ... b.Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính <i>được kiểm toán gần nhất</i> ...	
68	Khoản 3 Điều 37	Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông...	Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i> , các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản và <i>Nghị quyết</i> họp Đại hội đồng cổ đông...	
69	Khoản 1 Điều 43	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm.....và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng	Bỏ cụm từ <i>đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua</i>	Không phù hợp trong thực tiễn hoạt động của Công ty

		năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền...		
70	Điểm d khoản 1 Điều 48	Quyết định cơ cấu tổ chức...theo đề nghị của <i>Tổng giám đốc công ty con</i>	Quyết định cơ cấu...theo đề nghị của <i>Tổng giám đốc Công ty</i>	
71	Điều 46	Đơn vị phụ thuộc	Đơn vị trực thuộc	
72	Điều 47	<p>1.Các đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị hạch toán phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty và hạch toán kế toán tập trung tại Công ty. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, Quy chế của Công ty hoặc Quy chế hoạt động riêng của đơn vị hạch toán phụ thuộc đó. Quy chế riêng của mỗi đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.</p> <p>2.Công ty có các đơn vị phụ trợ được Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí nằm trong chi phí chung của Công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện</p>	<p>1.Công ty có các đơn vị trực thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>2.Các đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị trực thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.</p> <p>3.Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy</p>	

		<p>các nhiệm vụ do Công ty giao; thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyên giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ; được Công ty quyết định những vấn đề khác liên quan trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đơn vị phụ trợ.</p>	<p>quyền cho lợi ích của Công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.</p>	
73	Điều 50	<p>Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; 	<p>Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác theo 	

		d.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	quy định của pháp luật.	
74	Khoản 1 Điều 54	1.Bản điều lệ này gồm 22 chương 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng biểu quyết thông qua ngày 27 tháng 06 năm 2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty	1.Bản <i>Điều lệ</i> này gồm 22 chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng biểu quyết thông qua <i>ngày 14 tháng 04 năm 2016</i> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. ... 3.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014.	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty, Dự thảo bản Điều lệ đã điều chỉnh, bổ sung chi tiết như đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, Tky Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phùng Xuân Hà